

Bản án số: 63/2019/HNGĐ-ST

Ngày 11/11/2019

V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Nhiên.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Nguyễn Thị Bích

2. Ông Trần Thanh Bình

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Tuyết - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 11/11/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 30/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2019 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2019/QĐXX-ST ngày 22/10/2019 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Văn T - sinh năm 1986.(Có mặt).

Nơi ĐKKHKT: Bản M, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

**Bị đơn:** Chị Hồ Thị H, sinh năm 1989.(Vắng mặt).

Nơi ĐKKHKT: Bản M, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

(Hiện đang lao động tại công ty TNHH cổ phần công nghiệp T, Đài Loan).

*Đại diện theo ủy quyền nhận văn bản tố tụng cho bị đơn chị Hồ Thị H là:* Chị Hồ Thị N, sinh năm 1995, trú tại: Thôn H, xã N, huyện V, tỉnh Bắc Giang

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai ngày 18/3/2019 nguyên đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:***

Anh và chị Hồ Thị H kết hôn ngày 24/11/2008, trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn anh và chị H về chung sống với nhau tại Bản M, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Ban đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2015 thì giữa anh và chị H phát sinh

mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Từ tháng 2/2015 chị H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn S, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang sinh sống. Vợ chồng cũng ly thân từ đó cho đến nay. Sau khi chị H về nhà bố mẹ đẻ ở một thời gian thì chị H có đi lao động ở Đài Loan. Chị H vẫn thường xuyên liên lạc từ Đài Loan về cho gia đình chị H. Anh có xin địa chỉ, số điện thoại của chị H ở Đài Loan thì gia đình chị cố tình giấu nên anh không có để cung cấp cho Tòa án được. Do thời gian xa cách lâu, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng. Nay, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn. Anh đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang giải quyết cho anh được ly hôn chị Hồ Thị H.

*Về con chung:* Anh và chị H có 01 con chung là cháu Nguyễn Ánh H, sinh ngày 24/9/2009. Hiện nay cháu H đang ở với anh. Ly hôn, anh đề nghị được nuôi cháu H, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung là cháu H.

*Về Tài sản, công nợ:* Anh không đề nghị Tòa án giải quyết trong vụ án này. Nếu có, sau này anh sẽ đề nghị Tòa án giải quyết bằng vụ án khác.

Do anh không cung cấp được địa chỉ cụ thể của chị H ở Đài Loan nên anh đề nghị Tòa án yêu cầu bố mẹ đẻ chị H cung cấp địa chỉ cụ thể của chị H ở Đài Loan cho Tòa án để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Ngày 22/4/2019 Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã tiến hành làm việc với bố đẻ của chị Hồ Thị H là ông Hồ Viết T, sinh năm 1972, trú tại: Thôn S, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang. Ông Hồ Viết T đồng ý nhận thông báo thụ lý vụ án của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang về việc anh Nguyễn Văn T có đơn khởi kiện xin ly hôn chị Hồ Thị H. Ông đồng ý thông báo cho con gái ông là chị H biết, để chị H gửi bản tự khai, lời khai từ Đài Loan về theo yêu cầu của Tòa án.

Ngày 28/6/2019 Tòa án nhận được bản tự khai, đơn xin vắng mặt, giấy ủy quyền của bị đơn Chị Hồ Thị H gửi từ Đài Loan về.

***Bị đơn chị Hồ Thị H trình bày:***

Chị và anh Nguyễn Văn T kết hôn ngày 24/11/2008, trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn chị về nhà chồng làm dâu, ở chung cùng gia đình chồng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2011. Đến năm 2012 thì chị sang Đài Loan lao động. Khi sang Đài Loan thì ban đầu chị vẫn thường xuyên liên lạc về hỏi thăm, động viên chồng. Sau đó thì ít dần, giữa chị và anh T bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng sống xa cách, không hiểu và thông cảm cho nhau. Hiện nay chị vẫn đang lao động ở Đài Loan. Chị xác định tình cảm vợ chồng với anh T không còn. Anh T đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang giải quyết cho anh được ly hôn chị, thì quan điểm của chị là chị cũng đồng ý ly hôn anh T.

*Về con chung:* Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Ánh H, sinh ngày 24/9/2009. Hiện nay cháu H đang ở với anh T. Ly hôn, chị đồng ý để anh T nuôi cháu H, chị đồng ý với ý kiến của anh T là chị không cấp dưỡng nuôi con chung. Sau này chị sẽ lo lắng cho cuộc sống của cháu sau.

*Về Tài sản, Công nợ:* Chị không đề nghị Tòa án giải quyết trong vụ án này. Nếu có tranh chấp chị sẽ đề nghị Tòa án giải quyết bằng vụ án khác.

Do chị đang lao động ở Đài Loan nên không thể về Việt Nam tham gia được các phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa anh T và chị được. Vì vậy, chị đề nghị được vắng mặt trong phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa anh T và chị.

Chị cũng ủy quyền cho chị Hồ Thị N, sinh năm 1995, trú tại: Thôn H, xã N, huyện V, tỉnh Bắc Giang nhận các văn bản tố tụng của Tòa án giao cho chị và thông báo lại cho chị biết.

Tại đơn trình bày ngày 15/7/2019 cháu Nguyễn Ánh H trình bày: Cháu là con của bố Nguyễn Văn T và mẹ Hồ Thị H. Hiện nay cháu đang ở với bố cháu. Cháu là học sinh Trường tiểu học T. Cháu được biết Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đang giải quyết vụ án ly hôn giữa bố và mẹ cháu. Cháu không muốn bố mẹ ly hôn, nhưng bố mẹ ly hôn thì cháu xin được ở với bố cháu là Nguyễn Văn T vì bố cháu chăm sóc cháu từ bé đến nay.

Tại phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn Văn T trình bày: Anh giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Đề nghị được ly hôn với chị Hồ Thị H; về con chung: Anh đề nghị được nuôi cháu Nguyễn Ánh H, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản, công nợ: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết trong vụ án này. Nếu có, sau này anh sẽ đề nghị Tòa án giải quyết bằng vụ án khác. Về chi phí giám định thì anh xin tự nguyện chịu cả số tiền giám định là 4.050.000 đồng.

Bị đơn chị Hồ Thị H vắng mặt nên Hội đồng xét xử thông qua bản tự khai của chị H.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử.

- Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Văn T, Xử cho anh Nguyễn Văn T được ly hôn chị Hồ Thị H; về con chung: Giao cho anh Nguyễn Văn T nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Ánh H, sinh ngày 24/9/2009. Chị Hồ Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị H có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị thực hiện quyền này.

Về tài sản, công nợ: Do nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này nên không xem xét, giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:*

Về xác định tính xác thực các tài liệu trong hồ sơ vụ án: Ngày 23/8/2019 Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang ra Quyết định Trưng cầu giám định số 06/2019/QĐ-TCGD với nội dung: Trưng cầu giám định Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bắc Giang, thực hiện giám định dòng chữ ký “*Hiên*” và chữ viết “*Hồ Thị H*” trong “Bản tự khai, Giấy ủy quyền, đơn xin vắng mặt, Giấy chứng nhận kết hôn” có phải do cùng một người ký, viết ra hay không.

Ngày 16/9/2019 Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bắc Giang có công văn số 1473/KLGD-KTHS trả lời với nội dung: Chữ ký dạng chữ viết, chữ viết mang tên Hồ Thị H tại mục “người viết tự khai, người ủy quyền, người làm đơn, Giấy chứng nhận kết hôn” là do cùng một người ký, viết ra.

Vì vậy, có đủ căn cứ xác định chị Hồ Thị H là người ký, viết trong bản tự khai, giấy ủy quyền và đơn xin vắng mặt đã nộp cho Tòa án (có trong hồ sơ vụ án).

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn chị Hồ Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt chị H.

[2] Về thẩm quyền: Anh Nguyễn Văn T là nguyên đơn có đơn xin ly hôn chị Hồ Thị H, chị H có hộ khẩu thường trú tại: Bản M, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.(Hiện đang lao động tại Đài Loan). Như vậy, đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình có đương sự ở nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ Hôn nhân:

Anh T và chị H kết hôn ngày 24/11/2008, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh T và chị H về chung sống với nhau tại Bản M, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Ban đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Sau đó thì giữa anh T và chị H phát sinh mâu thuẫn. Anh T trình bày nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung nên chị H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ và sau đó đi Đài Loan

lao động. Chị H thì cho rằng chị lao động ở Đài Loan nên mâu thuẫn là do sống xa cách, không hiểu và thông cảm cho nhau. Cả hai bên đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh T xin ly hôn chị H, chị H cũng đồng ý ly hôn.

Do vậy, Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T, chị H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử chấp nhận yêu cầu của anh T, xử cho anh T được ly hôn chị H.

[4] Về con chung: Anh T, chị H có 01 con chung là cháu Nguyễn Ánh H, sinh ngày 24/9/2009. Hiện nay cháu H đang ở với anh T. Ly hôn, anh T đề nghị được nuôi cháu H, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung. Chị H cũng đồng ý với ý kiến anh T để anh T nuôi cháu H, chị H không cấp dưỡng nuôi con chung.

Đồng thời cháu Nguyễn Ánh H có đơn trình bày, nguyện vọng của cháu là muốn được ở với bố là anh Nguyễn Văn T. Nên Hội đồng xét xử xử căn cứ điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của T, giao cho anh T nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Ánh H, sinh ngày 24/9/2009. Chị Hồ Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh T không yêu cầu. Chị H có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị thực hiện quyền này.

[5] Về tài sản, công nợ: Anh T, chị H đều không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận anh T đã nộp đủ.

[7]. Về chi phí giám định: Anh Nguyễn Văn T tự nguyện chịu cả 4.050.000 đồng chi phí giám định nên căn cứ quy định tại Điều 161- Bộ luật Tố tụng dân sự cần chấp nhận sự tự nguyện này của Nguyễn Văn T. Xác nhận anh Nguyễn Văn T đã nộp và chi phí xong số tiền này.

[8] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 và khoản 2 Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37;

khoản 4 Điều 147; Điều 161; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; khoản 2 Điều 479 Bộ Luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Anh Nguyễn Văn T được ly hôn chị Hồ Thị H.

**2. Về con chung:** Giao cho anh Nguyễn Văn T nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Ánh H, sinh ngày 24/9/2009. Chị H có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở chị H thực hiện quyền này.

**3. Về án phí:** Anh Nguyễn Văn T phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0000240 ngày 12/3/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận anh T đã nộp đủ.

**4. Về chi phí giám định:** Anh Nguyễn Văn T tự nguyện chịu cả 4.050.000 đồng chi phí giám định. Xác nhận anh Nguyễn Văn T đã nộp và chi phí xong số tiền này.

**5. Về quyền kháng cáo:**

Anh Nguyễn Văn T có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Chị Hồ Thị H hiện đang ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa có thời hạn kháng cáo Bản án là 01 tháng kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ.

Án xử công khai sơ thẩm.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**  
**Đã ký**

**Nguyễn Văn Nhiên**